

Hempadur Mastic 45880

Đặc tính sản phẩm

Mô tả sản phẩm

Hempadur Mastic 45880 là sơn epoxy biến tính polyamide lưu hóa, độ rắn cao. Lớp sơn tạo thành bề mặt phủ cứng và bền, có đặc tính ướt tốt và lưu hóa ở nhiệt độ thấp.

Tuân thủ Chỉ thị EU 2004/42/EC, Chỉ thị Sơn về giới hạn của các hợp chất hữu cơ dễ bay hơi: phân loại phụ j.

Khuyến cáo sử dụng

Hempadur Mastic 45880 được khuyến dùng làm sơn bề mặt không cần lót, đáp ứng độ bền cao cho thép và bê tông hoặc lớp sơn trung gian hoặc sơn lớp ngoài cùng trong các hệ thống yêu cầu VOC thấp và lớp sơn dày. Sản phẩm có thể được sử dụng khi yêu cầu đặc tính phủ lại mở rộng cho lớp phủ ngoài polyurethane. Cũng có thể dùng trực tiếp trên kẽm silicat hoặc phun lên bề mặt kim loại hóa. Sản phẩm này chỉ nên dùng cho các sửa chữa nhỏ trong khu vực ngập nước.

Nhiệt độ sử dụng

- Tối đa, chỉ trong môi trường khô: 120°C [248°F].

Chứng nhận / Phê duyệt

- Loại EC đã kiểm tra là vật liệu cháy chậm khi sử dụng như một phần của hệ thống sơn được xác định trước. Vui lòng tham khảo "Tuyên bố Phù hợp" ở hempel.com để biết thêm chi tiết.
- Đáp ứng các yêu cầu đối với ISO 12944, khi được sử dụng như một phần của hệ thống sơn được xác định trước. Part 6 C4 High.
- Đã thử nghiệm phản ứng với lửa (trong khuôn khổ của hệ thống sơn phủ với lớp sơn lót và lớp sơn phủ cuối cùng đã được phê duyệt) theo EN13501-1 B-s1, d0.
- Tuân thủ các quy định về thực phẩm của FDA Hoa Kỳ và EU khi tiếp xúc với thực phẩm khô. Liên hệ với Hempel để biết thêm chi tiết.
- Tuân thủ các yêu cầu trong EN1504-2 Sản phẩm và hệ thống bảo vệ và sửa chữa kết cấu bê tông, đáp ứng tiêu chuẩn hiệu suất của Dấu CE.

Tính năng

- Đa năng, có thể dùng cho cả thép và bê tông.
- Độ bền bề mặt cao.
- Lưu hóa ở nhiệt độ thấp.

An toàn sản phẩm

Điểm chớp cháy 25°C [77°F]

Hàm lượng VOC sản phẩm trộn

Cơ sở pháp lý	Giá trị	5% pha loãng, theo thể tích	Giá trị giới hạn, giai đoạn II (2010) ^a
EU	217 g/L [1,81 lb/US gal]	248 g/L [2,07 lb/US gal]	500 g/L [4,17 lb/US gal]
Hoa Kỳ (sơn phủ)	217 g/L [1,81 lb/US gal]	-	-
Hoa Kỳ (định kỳ)	217 g/L [1,81 lb/US gal]		
Trung Quốc	217 g/L [1,81 lb/US gal]		
Hồng Kông	217 g/L [1,81 lb/US gal]	-	-

Theo quy tắc cụ thể, xem chi tiết trong phần Chú giải trên trang web của Hempel (hempel.com) hoặc trang web Hempel dành cho địa phương của bạn. Giá trị VOC có thể thay đổi theo loại sơn bóng, vui lòng tham khảo Bảng dữ liệu an toàn, phần 9. ^aChỉ thị 2004/42/CE của EU.

Đưa vào sử dụng

Xử lý thận trọng. Trước và trong khi sử dụng, tuân thủ nhãn an toàn trên bao bì và thùng chứa sơn và tuân theo tất cả các quy định an toàn tại địa phương và quốc gia. Luôn tham khảo Bảng dữ liệu an toàn của Hempel cho sản phẩm này cùng với Bảng thông số sản phẩm.

Chỉ sử dụng ở môi trường chuyên nghiệp.

Dữ liệu sản phẩm

Mã sản phẩm

45880

Thành phần có trong sản phẩm

Phần A 45889

Chất đóng rắn 95880

Hempadur Mastic 45880

Màu tiêu chuẩn* / mã màu
Xám nhạt 12170 **

Có nhiều màu sắc khác nhau trong hệ thống Hempel's tinting.

Độ bóng
Độ bóng vừa

Hàm lượng chất rắn theo thể tích
80 ± 2%

Trọng lượng riêng
1,5 kg/L [12 lb/US gal]

Độ dày lớp sơn khô tham chiếu
125 micron [5,0 mils]

Màu nhôm / mã màu
Xám ánh kim 19002

Độ bóng
Vui lòng tham khảo Hướng dẫn của Hempel về sơn có chất tạo màu chứa nhôm

Thể tích sơn khô
72 ± 2%

Trọng lượng riêng
1,3 kg/L [11 lb/US gal]

Độ dày lớp sơn khô tham chiếu
125 micron [5,0 mils]

Xử lý bề mặt

Độ sạch

- Loại bỏ dầu, mỡ và các chất bẩn khác bằng chất tẩy rửa thích hợp.
- Loại bỏ muối, chất tẩy rửa, chất bẩn và sinh vật biển bám trên tàu bằng nước áp lực cao.

Đóng mới:

- Mài bề mặt bằng ma sát tối thiểu Sa 2½ (ISO 8501-1) / SP 10 (SSPC).
- Bề tông: Theo Thông số kỹ thuật của Hempel.
- Loại bỏ bụi, vật liệu mài và các vật rời.

Bảo trì và Sửa chữa

- Mài điểm trên bề mặt bằng ma sát tối thiểu PSa 2 (ISO 8501-2) / SP 6 (SSPC).
- Phun tia nước tới mức tối thiểu Wa 2 (ISO 8501-4).
- Độ gỉ sét loang tối đa FR M (ISO 8501-4).
- Loại bỏ bụi, vật liệu mài và các vật rời.
- Có thể vệ sinh những khu vực nhỏ bằng công cụ điện đến St 2, miễn là bề mặt đã sơn qua và chưa đánh bóng.

Độ nhám

- Hình thức bề mặt Trung bình (G) (ISO 8503-2)

Tham khảo Hướng dẫn Xử lý Bề mặt riêng của Hempel để biết thêm chi tiết.

Thi công sơn

Tỉ lệ pha trộn

Phần A 45889 : Chất đóng rắn 95880
(3 : 1 theo thể tích)

Khuấy đều trước khi sử dụng.

Dung môi pha loãng

Hempel's Thinner 08450

Chất làm sạch

Hempel's Tool Cleaner 99610

* Có sơn bóng khác, bao gồm cả những loại sơn bóng có chứa MIO. Vui lòng liên hệ đại diện Hempel tại địa phương.

** Có thể màu sẽ hơi bị phai. Điều này không ảnh hưởng đến hiệu suất của lớp sơn.

Hempadur Mastic 45880

Thời gian sống sau khi trộn

Nhiệt độ sản phẩm	20°C [68°F]	15°C [59°F]	30°C [86°F]
Thời gian tiền phản ứng	10 phút	15 phút	0 phút
Thời gian sống (sơn phun)	60 phút	90 phút	30 phút
Thời gian sống (sơn cọ)	1½ giờ	3 giờ	1 giờ

Phương pháp sơn

Công cụ	Pha loãng thể tích tối đa	Thông số ứng dụng
Phun sơn không dùng khí nén	5%	Áp lực tại đầu béc phun: 250 bar [3600 psi] Cổ béc phun: 0.017-0.023"
Phun sơn dùng khí nén	5%	Không áp dụng
Cọ quét/Con lăn	5%	Không áp dụng
Phun sơn hai đường nạp	5%	Áp lực tại đầu béc phun: 221 bar [3200 psi] Cổ béc phun: 0.017-0.023"

Nếu sử dụng cọ quét hoặc con lăn, sẽ cần sơn nhiều lớp để đạt được độ dày sau khi khô quy định. Dữ liệu máy phun mang tính biểu thị và có thể bị điều chỉnh. Áp suất cho nhiệt độ vật liệu 20°C [68°F].

Độ dày lớp sơn

Dải thông số kỹ thuật	Thấp	Cao	Khuyến dùng
Độ dày màng sơn khô	100 micron [4,0 mils]	200 micron [8,0 mils]	125 micron [5,0 mils]
Độ dày màng sơn ướt	125 micron [5,0 mils]	250 micron [10 mils]	156 micron [6,2 mils]
Định mức phủ lý thuyết	8 m²/L [326 sq ft/US gal]	4 m²/L [163 sq ft/US gal]	6,4 m²/L [261 sq ft/US gal]

Sản phẩm có thể được chỉ định với độ dày lớp sơn khác so với thông số tùy theo mục đích và khu vực sử dụng. Điều này sẽ thay đổi tốc độ tán sơn, thời gian khô và lưu hóa và khoảng thời gian sơn lại. Để có hiệu quả tốt nhất, hãy tránh sơn lớp sơn quá dày.

Điều kiện thi công sơn

- Nhiệt độ sản phẩm phải trên 15°C [59°F] trong khi sơn.
- Để tránh ngưng tụ, sơn trên bề mặt sạch và khô với nhiệt độ tối thiểu bằng 3°C [5°F] trên điểm đọng sương.
- Nhiệt độ bề mặt phải trên -5°C [23°F] trong thời gian sơn và lưu hóa.

Độ ẩm tương đối:

- Độ ẩm tương đối phải dưới 85% trong thời gian lưu hóa.

Thời gian khô và lớp phủ kế

Sản phẩm tương thích

- Lớp sơn trước: Không có hoặc theo thông số kỹ thuật của Hempel.
- Lớp sơn kế: Không có hoặc theo thông số kỹ thuật của Hempel.

Thời gian khô sơn

Nhiệt độ bề mặt		-5°C [23°F]	0°C [32°F]	20°C [68°F]	40°C [104°F]
Khô bề mặt	giờ	36	20	2½	1
Khô cứng	giờ	48	25	3½	1½
Khô/đóng rắn hoàn toàn	ngày	75	30	7	3

Được xác định cho độ dày màng sơn bằng 125 micron [5.0 mils] ở điều kiện tiêu chuẩn, xem phần Chú giải của Hempel để biết thêm chi tiết.

Hempadur Mastic 45880

Lớp phủ

Thông số kỹ thuật của Hempel được ưu tiên áp dụng hơn mọi hướng dẫn trong bảng sơn phủ

Tên phẩm chất		0°C [32°F]	20°C [68°F]	30°C [86°F]	40°C [104°F]
Khô khí quyển, trung bình					
Hempadur Mastic 45880	Tối thiểu	54 giờ	6 giờ	4½ giờ	3½ giờ
	Tối đa	Mở rộng*	Mở rộng*	Mở rộng*	Mở rộng*
Hempathane HS 55610	Tối thiểu	54 giờ	6 giờ	4½ giờ	3½ giờ
	Tối đa	Mở rộng*	Mở rộng*	Mở rộng*	Mở rộng*
Khô khí quyển, nặng					
Hempadur Mastic 45880	Tối thiểu	4 ngày	10 giờ	7½ giờ	5½ giờ
	Tối đa	Mở rộng*	Mở rộng*	Mở rộng*	Mở rộng*
Hempathane HS 55610	Tối thiểu	4 ngày	10 giờ	7½ giờ	5½ giờ
	Tối đa	27 ngày	72 giờ	54 giờ	40 giờ

Mở rộng*: Tùy thuộc vào các điều kiện môi trường thực tế, có thể sơn lại bề mặt đã sơn sau khoảng thời gian dài hơn. Hãy liên hệ đại diện Hempel tại địa phương để được tư vấn.

Sản phẩm có cùng tính chất hóa học sẽ cho biết số lần sơn phủ.
Tham khảo thông số kỹ thuật của Hempel để biết thêm thông tin.

Điều kiện khô sơn

- Để đạt được thời gian khô sơn như đã nêu, quan trọng là phải duy trì đủ thông gió trong quá trình sơn, chờ khô và đóng rắn.

Chi tiết về công tác sơn lại

- Nếu vượt quá thời gian phủ tối đa, cần mài nhám bề mặt để đảm bảo độ bám dính của lớp sơn.
- Bề mặt phải khô và sạch sẽ trước khi sơn.

Các lưu ý khác

- Bản thân sơn phủ epoxy có xu hướng bị phai khi sử dụng ngoài trời. Điều này không ảnh hưởng đến hiệu suất của lớp sơn.
- Thông số kỹ thuật của Hempel được ưu tiên áp dụng hơn mọi khuyến nghị được đưa ra trong Bảng dữ liệu sản phẩm.

Lưu trữ

Hạn dùng

Nhiệt độ môi trường	25°C [77°F]
Phần A	36 tháng
Chất đóng rắn	36 tháng

Thời hạn sử dụng khi bảo quản trên kệ tính từ ngày sản xuất, khi bảo quản trong bao bì gốc, chưa mở. Sau thời hạn đó, phải kiểm tra lại chất lượng sản phẩm. Bảo quản ở nhiệt độ cao có thể làm giảm thời hạn sử dụng. Vui lòng tham khảo Hempel để được tư vấn.

Khí thải carbon

Độ dày màng sơn khô	1 µm	1 mil
GWP (Tiềm ẩn Nóng lên Toàn cầu)	6,2 g CO ₂ e/m ²	0,032 lb CO ₂ e/ft ²

Lượng khí thải carbon dành cho 1 mét vuông / foot vuông diện tích bề mặt với độ dày màng sơn khô là 1 micron / mil.

Phạm vi này bao gồm nguyên liệu thô, vận chuyển nội địa đến nhà máy Hempel, quy trình sản xuất của Hempel và bất kỳ Hợp chất hữu cơ dễ bay hơi nào phát ra trong quá trình sơn và quá trình đóng rắn sau khi sơn sản phẩm.

Giá trị được tính toán dựa trên màu sắc tiêu chuẩn được xác định trong PDS này. Giá trị có thể sẽ thay đổi theo màu sắc.

Hempadur Mastic 45880

Tài liệu bổ sung

Có các thông tin khác trên trang web của Hempel (<https://www.hempel.com/service-and-support/technical-guidelines>) hoặc trang web Hempel ở địa phương của bạn:

- Chú giải cho Bảng dữ liệu sản phẩm.
- Phương pháp sơn.
- Chất nền.
- Xử lý bề mặt.
- Hướng dẫn sơn cho sản phẩm này.
- Sửa chữa và bảo trì.

Bảng dữ liệu sản phẩm này ("PDS") có liên quan đến sản phẩm được cung cấp ("Sản phẩm") và có thể được cập nhật liên tục. Theo đó, người mua/người áp dụng chỉ nên xem bảng PDS được cung cấp cùng với lô Sản phẩm có liên quan (không phải của phiên bản trước đó). Ngoài PDS, người mua/người áp dụng có thể nhận được một số hoặc tất cả các thông số kỹ thuật, báo cáo và/hoặc hướng dẫn được liệt kê dưới đây hoặc có sẵn từ trang web của Hempel trong mục "Sản phẩm" tại www.hempel.com ("Tài liệu bổ sung"):

No.	Mô tả tài liệu	Địa điểm/ý kiến
1.	Báo cáo kỹ thuật	Tư vấn cụ thể một lần được cung cấp theo yêu cầu cho các dự án cụ thể
2.	Thông số kỹ thuật	Chỉ phát hành cho các dự án cụ thể
3.	PDS	Tài liệu này
4.	Chú giải Bảng dữ liệu sản phẩm	Đăng trên www.hempel.com và có thông tin liên quan về các thông số kiểm tra Sản phẩm
5.	Hướng dẫn thi công	Nếu có sẵn, tại www.hempel.com
6.	Hướng dẫn kỹ thuật chung (ví dụ: cho thi công sơn và chuẩn bị bề mặt)	Nếu có sẵn, tại www.hempel.com

Trong trường hợp có xung đột thông tin giữa PDS và Tài liệu bổ sung, thứ tự ưu tiên của thông tin sẽ theo thứ tự như quy định ở trên. Trong trường hợp như vậy, bạn cũng nên liên hệ với đại diện của mình tại Hempel để làm rõ. Hơn nữa, người mua/người áp dụng phải tuân thủ đầy đủ Bảng Dữ liệu An toàn được cung cấp cho mỗi Sản phẩm và cũng có thể được tải xuống từ www.hempel.com.

Hempel sẽ không chịu trách nhiệm về khuyết tật Sản phẩm nếu Sản phẩm không được sử dụng theo các khuyến nghị và yêu cầu được nêu trong PDS có liên quan và Tài liệu bổ sung. Thông tin và các điều khoản miễn trừ trách nhiệm này áp dụng cho PDS này, Tài liệu bổ sung và bất kỳ loại tài liệu khác của Hempel liên quan đến Sản phẩm. Ngoài ra, Sản phẩm và tất cả các hỗ trợ kỹ thuật được cung cấp đều tuân theo Điều kiện Bán hàng, Giao hàng và Dịch vụ chung của Hempel, trừ khi được thỏa thuận rõ ràng khác bằng văn bản.